

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DS-ST
Ngày: 17 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Kim Sinh

Ông Đinh Ngọc Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà 167/1, ấp 1, xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1/ Bà Lê Thị M, sinh năm 1968

2/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Số nhà 164/1, ấp 1, xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Bà H, bà M có mặt; ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 04/9/2016, bà có cho bà M vay số tiền 11.000.000 đồng, 02 ngày sau bà M vay thêm 2.000.000 đồng, đến ngày 17/9/2016 bà M có vay thêm của bà số tiền 4.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bà M vay của bà là 17.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ là 01 tháng sẽ trả đủ vốn và lãi.

Việc vay tiền bà M trực tiếp giao dịch với bà, nên trong giấy nhận nợ chỉ có bà M ký nhận nhưng ông M có biết việc này.

Ngoài ra, năm 2017 bà M có tham gia hội do bà làm chủ hội, sau khi hốt hội bà M không đóng lại hội chết cho bà còn nợ lại 6.000.000 đồng.

Vào ngày 17/11/2017, bà có đến gặp bà M và ông M (chồng bà M) để đòi tiền vay và hội thì bà M và ông M có viết giấy cam kết hẹn đến tháng 5/2018 (âm lịch) sẽ trả tiền nhưng cho đến nay bà M và ông M vẫn không trả tiền.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu bà M và ông M phải trả lại cho bà tiền hội 6.000.000 đồng và tiền vốn vay 17.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với lãi suất 5%/tháng tính từ ngày 17/9/2016 cho ngày 17/7/2018 với số tiền lãi 21.250.000 đồng. Tại phiên tòa, bà yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền vay 17.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 17/9/2016 đến ngày 17/10/2018, tiền lãi được tính như sau: $17.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 25 \text{ tháng}$ (từ ngày 17/9/2016 đến ngày 17/10/2018) = 3.541.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà yêu cầu bà M và ông M phải trả là 26.541.000 đồng.

Bà Lê Thị M là bị đơn trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi hội của bà H còn nợ 6.000.000 đồng và trong năm 2016 bà có vay tiền của bà H nhiều lần tính đến ngày 17/8/2016 (âm lịch) bà còn nợ bà H số tiền 17.000.000 đồng. Khi vay tiền lãi suất từ 10 % - 30%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Sau khi vay tiền, bà đã trả lãi cho bà H tiền lãi khoảng 15.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh.

Việc vay tiền và chơi hội với bà H do bà trực tiếp giao dịch, sau đó bà H yêu cầu bà và ông M phải viết giấy cam kết trả nợ.

Nay bà H yêu cầu bà và ông M phải trả số tiền 26.541.000 đồng thì bà đồng ý nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà rất khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Nguyễn Văn M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền hội 6.000.000 đồng, tiền vốn vay 17.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật với lãi suất 10%/năm là có căn cứ và phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 288, 466, 468, 470, 471 Bộ luật dân sự 2015 Điều 25, 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về giải quyết hộ, hội, biếu, phường chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 26.541.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui với bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn M. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[3] Về nội dung vụ án:

Về tiền vay: Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ theo giấy nợ, tờ cam kết do ông M và bà M ký tên và sự thừa nhận của bà M có đủ cơ sở xác định: Bà M vay tiền của bà H nhiều lần với số tiền 17.000.000 đồng, khi vay tiền có thỏa thuận tính lãi và thời hạn trả nợ là 1 tháng, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có lãi và có kỳ hạn.

Sau khi vay tiền, bà M và ông M không trả tiền theo thỏa thuận, vào ngày 17 tháng 11 năm 2017, bà M và ông M cam kết đến tháng 5/2018 (al) sẽ trả đủ tiền nhưng vẫn không trả cho bà H, bà H đã đòi nhiều lần nhưng cho đến nay bà M và ông M vẫn không thực hiện, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc vay tiền bà M trực tiếp giao dịch với bà H nhưng ông M biết việc này và có viết tờ cam kết trả nợ nên cần buộc ông M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà M và ông M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay 17.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa, bà H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 17/9/2016 đến ngày 17/10/2018, tiền lãi được tính như sau: 17.000.000 đồng x 10%/năm x 25 tháng (từ ngày 17/9/2016 đến ngày 17/10/2018) = 3.541.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Về tiền hui: Bà M thừa nhận có tham gia chơi hui do bà H làm chủ hui, còn nợ bà H 6.000.000 đồng, bà M và ông M có viết cam kết trả nợ nhưng chưa trả. Căn cứ Điều 25, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà M và ông M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tiền hui 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà M đồng ý trả tiền cho bà H tiền hui, tiền vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà rất khó khăn không có khả năng trả một lần nên bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà H không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận việc trả dần của bà M, cần buộc bà M và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 26.541.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình không đến để bảo vệ quyền lợi cho mình.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: $(26.541.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.327.000 \text{ đồng})$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 288, 466, 468, 470, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 25, 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về giải quyết hộ, hội, biên, phường.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hội.

Buộc bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 26.541.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi một ngàn đồng), trong đó:

- Số tiền vốn vay: 17.000.000 đồng.
- Số tiền lãi tính đến ngày 17/10/2018: 3.541.000 đồng.
- Số tiền hội: 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.327.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.294.000 đồng theo biên lai thu số 0002368 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh